

TĐĐT

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 222/BC-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2014

## **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề,  
trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề đến năm 2020**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
<b>ĐẾN</b>	Số: ... S. ....
	Ngày: 26/6 .....

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề đến năm 2020 (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) được xây dựng căn cứ vào:

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, theo đó cần hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

2. Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006 về phát triển mạng lưới đã quy định: Đầu tư mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, nâng cao chất lượng dạy nghề góp phần bảo đảm cơ cấu nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; góp phần thực hiện phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông; tạo điều kiện phổ cập nghề cho thanh niên và đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động; đào tạo nghề cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011 - 2020: Về định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo (mục 9, phần IV) đã xác định phải rà soát, hoàn thiện quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trong cả nước.

4. Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn

2011 - 2020 với giải pháp: Đối với mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) giai đoạn 2011 - 2020, cần phát triển rộng khắp cả nước, đáp ứng nhu cầu của xã hội về số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ đào tạo, cơ cấu ngành nghề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các địa phương và đất nước; tạo điều kiện thuận lợi cho những người có nhu cầu học nghề, nhất là nhân lực nông thôn, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật. Đồng thời, hình thành các trường, nghề chất lượng cao đủ năng lực đào tạo một số nghề được các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận và các trường đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề; đầu tư cho các trường ở các tỉnh khó khăn và các trung tâm dạy nghề kiểu mẫu. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng xã hội hóa; khuyến khích mọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư cho dạy nghề, phát triển các cơ sở dạy nghề tư thục và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài; mở rộng hợp tác quốc tế về dạy nghề.

5. Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020 đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương lồng ghép mục tiêu, giải pháp của Chiến lược vào Chiến lược phát triển dạy nghề, quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề.

6. Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011- 2020 với một trong các giải pháp về đổi mới quản lý nhà nước về dạy nghề là: Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề tới nghề đào tạo, theo vùng, địa phương; chú trọng phân bố các trường chất lượng cao ở các vùng kinh tế động lực, hình thành các trung tâm đào tạo nghề ở các vùng; ưu tiên thành lập mới cơ sở dạy nghề ngoài công lập; khuyến khích hợp tác và thành lập các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài. Có các cơ sở dạy nghề chuyên biệt đối với người khuyết tật, dạy nghề đối với người dân tộc thiểu số.

7. Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo Kết luận số 37-TB/TW ngày 26 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công” trong đó có nội dung về xây dựng quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020.

## **II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN QUY HOẠCH**

Chính phủ đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai xây dựng Đề án quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020, cụ thể:

1. Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2001 - 2012 theo Quyết định số 48/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường dạy nghề giai đoạn 2002 - 2010 và Quyết định số 07/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 02 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội: phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

2. Tổng hợp nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề giai đoạn 2011 - 2020 theo cấp trình độ, vùng kinh tế, khối ngành/lĩnh vực và nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề để đi làm việc ở nước ngoài.

3. Xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề đến năm 2020.

4. Lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành có liên quan và 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (theo các văn bản số 1604/LĐTBXH-TCDN ngày 20 tháng 5 năm 2011, số 3295/LĐTBXH-TCDN ngày 3 tháng 10 năm 2011 và số 4415/LĐTBXH-TCDN ngày 27 tháng 11 năm 2012) và báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành và địa phương.

Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất về hệ thống đào tạo nghề trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân (tại Công văn số 2002/VPCP-KGVX ngày 26/3/2014 của Văn phòng Chính phủ) và số trình độ thuộc Khung trình độ quốc gia, làm cơ sở cho việc quy hoạch nhân lực nói chung và quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề nói riêng; trên cơ sở đó hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020 và giao Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định phê duyệt và hướng dẫn tổ chức thực hiện quy hoạch.

### **III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ DẠY NGHỀ ĐẾN NĂM 2020**

#### **1. Về thực trạng mạng lưới cơ sở dạy nghề**

##### **a) Mạng lưới cơ sở dạy nghề**

Mạng lưới cơ sở dạy nghề được mở rộng, phân bố tương đối hợp lý ở các ngành kinh tế, địa phương, vùng, miền. Đến 31 tháng 12 năm 2013, cả nước có 1.339 cơ sở dạy nghề (472 cơ sở dạy nghề ngoài công lập), gồm: 162 trường cao đẳng nghề (56 trường cao đẳng nghề ngoài công lập), 302 trường trung cấp nghề (121 trường trung cấp nghề ngoài công lập) và 875 trung tâm dạy nghề (331 trung tâm dạy nghề ngoài công lập).

Mạng lưới cơ sở dạy nghề theo các vùng:

TT	Vùng	Trường Cao đẳng nghề			Trường Trung cấp nghề			Trung tâm dạy nghề		
		Loại hình		Tổng số	Loại hình		Tổng số	Loại hình		Tổng số
		Công lập	Tư thực		Công lập	Tư thực		Công lập	Tư thực	
1	Đồng bằng sông Hồng	33	27	60	47	57	104	94	103	197
2	Trung du miền núi phía bắc	18	6	24	21	15	36	150	50	200
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	25	11	36	45	17	62	117	53	170
4	Tây Nguyên	5	0	5	7	4	11	42	21	63
5	Đông Nam Bộ	16	9	25	27	24	51	45	71	116
6	Đồng bằng sông Cửu Long	9	3	12	34	4	38	96	33	129
	<b>TỔNG SỐ</b>	106	56	162	181	121	302	544	331	875

Năm 2013, cả nước còn 18 tỉnh chưa có trường cao đẳng nghề thuộc địa phương quản lý (gồm Thái Bình, Ninh Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Lai Châu, Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Hậu Giang và Cà Mau), trong đó có 13 tỉnh chưa có trường cao đẳng nghề trên địa bàn (gồm Thái Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lai Châu, Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Vĩnh Long, Trà Vinh và Cà Mau).

Trong số 62 huyện nghèo, có 48 huyện nghèo đã có trung tâm dạy nghề hoặc trường trung cấp nghề công lập; còn 14 huyện nghèo thuộc 5 tỉnh: Sơn La (2 huyện), Thanh Hóa (4 huyện), Quảng Ngãi (4 huyện), Bình Định (3 huyện), Bắc Giang (1 huyện) chưa có trung tâm dạy nghề công lập. Tuy nhiên, ở 11 huyện nghèo thuộc 04 tỉnh (Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Bình Định, Bắc Giang) đã bổ sung nhiệm vụ dạy nghề và đầu tư nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp để tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn. Còn 3 huyện nghèo tại 02 tỉnh gồm: Sơn La (huyện Bắc Yên và huyện Quỳnh Nhai), Bình Định (huyện An Lão) chưa có trung tâm dạy nghề công lập và cũng chưa bổ sung nhiệm vụ cho trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp trên địa bàn huyện, để tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

## b) Tuyển sinh dạy nghề

Công tác tuyển sinh dạy nghề theo ba cấp trình độ đào tạo đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, trong giai đoạn 2011-2013 tuyển sinh đạt khoảng 4,9 triệu người (trong đó: CĐN, TCN 651 ngàn, SCN và DNTX 4,3 triệu người) góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2013 đạt khoảng 34%. Năm 2014, dự kiến tuyển sinh học nghề khoảng 1,78 triệu người và năm 2015 dự kiến tuyển sinh học nghề khoảng 2,1 triệu người.

Hình thức, phương pháp tuyển sinh và đào tạo nghề được đa dạng hóa, phù hợp với đối tượng học nghề và yêu cầu sản xuất, trong đó đã thí điểm triển khai thực hiện việc đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp theo cơ chế đặt hàng (trong giai đoạn 2010-2012 đã tổ chức thí điểm đặt hàng dạy nghề cho 12.107 lao động nông thôn).

## 2. Dự báo nhu cầu phát triển nhân lực qua đào tạo nghề đến năm 2020

### a) Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề theo cấp trình độ

- Giai đoạn 2011 - 2015: Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề đến năm 2015 cần tăng thêm là 9.270 ngàn người so với năm 2010 (tăng 65%, trong đó cao đẳng nghề, trung cấp nghề tăng thêm 92%, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng tăng thêm 60%); bình quân mỗi năm trong giai đoạn này cần bổ sung khoảng 1.854 ngàn người, trong đó:

- Khoảng 450 ngàn người có trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề;

- Khoảng 1.400 ngàn người có trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng;

- Giai đoạn 2016-2020: Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề đến năm 2020 cần tăng thêm là 10.900 ngàn người so với năm 2015 (tăng 46%, trong đó cao đẳng nghề, trung cấp nghề tăng thêm 68%, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng tăng thêm 41%); bình quân mỗi năm trong giai đoạn này cần bổ sung khoảng 2,18 triệu người (tăng 18% so với giai đoạn 2011 - 2015), trong đó:

+ Khoảng 640 ngàn người có trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề (tăng 42% so với giai đoạn 2011 - 2015);

+ Khoảng 1,54 triệu người có trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng (tăng 10% so với giai đoạn 2011 - 2015).

### b) Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề theo các vùng kinh tế

- Đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của cả nước là 40%, trong đó cao nhất là Vùng Đông Nam Bộ (59%), tiếp theo là Vùng Đồng bằng

Sông Hồng (55%), rồi đến Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (36%), thấp nhất là Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (30%), tiếp theo là Vùng Tây Nguyên (31%), rồi đến Vùng Trung du miền núi phía Bắc (34%).

- Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của cả nước là 55%, tăng thêm 15% so với năm 2015, trong đó nhu cầu tăng cao nhất là Vùng Bắc Trung bộ (tăng 15%), thấp nhất là Vùng Tây Nguyên (5%).

c) Nhu cầu lao động qua đào tạo nghề theo khối ngành/lĩnh vực

- Nhu cầu lao động qua đào tạo nghề theo khối ngành Nông, lâm, ngư nghiệp; Công nghiệp - Xây dựng; Dịch vụ.

+ Trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp: Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 69,5%; trình độ trung cấp chiếm khoảng 22,5%; trình độ cao đẳng khoảng 6,0%;

+ Trong khu vực công nghiệp - xây dựng: Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 56,0%; trình độ trung cấp chiếm 33,5%; trình độ cao đẳng chiếm 4,0%;

+ Trong khu vực dịch vụ: Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 37,0%; trình độ trung cấp chiếm khoảng 23,0%; trình độ cao đẳng chiếm khoảng 12,0%.

- Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề đến năm 2020 của một số ngành mũi nhọn và tập đoàn, tổng công ty lớn khoảng 834.000 người (Dệt may: 530.000 người; Điện lực: 151.000 người; Công nghiệp tàu thủy: 50.000 người; Cao su: 80.000 người; Than khoáng sản: 8.000 người; Lắp máy: 15.000 người;...). Nhu cầu nhân lực trình độ tay nghề cao cho một số tập đoàn kinh tế khi mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ ngày càng tăng lên.

d) Nhu cầu lao động qua đào tạo nghề để đi làm việc ở nước ngoài

Tổng số nhân lực được đào tạo để đi làm việc ở ngoài nước thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 450.000 người và thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 670.000 người với bậc đào tạo khác nhau, trong đó 50% trung cấp nghề trở lên.

3. Về nguyên tắc quy hoạch mạng lưới

Việc phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020 phải quán triệt các nguyên tắc cơ bản sau:

- Hạn chế tối đa việc thành lập mới các cơ sở dạy nghề công lập, tập trung chủ yếu việc nâng cấp các cơ sở dạy nghề hiện có. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại các cơ sở dạy nghề công lập theo hướng sáp nhập hoặc giải thể những cơ sở dạy nghề hoạt động không hiệu quả.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở dạy nghề.

- Thực hiện việc sáp nhập các trung tâm ở cấp huyện (gồm trung tâm dạy nghề, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên) thành một trung tâm thực hiện các chức năng: dạy nghề, giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Thông tư hướng dẫn các địa phương thực hiện.

- Hình thành các trường nghề chất lượng cao tập trung ở các vùng kinh tế trọng điểm.

#### 4. Về quan điểm quy hoạch

Trên cơ sở đường lối của Đảng về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, quan điểm về quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011- 2020 và Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020 của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, quan điểm quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020, gồm 04 quan điểm như sau:

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề rộng khắp cả nước, đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội về số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ đào tạo, cơ cấu ngành nghề trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nhân lực cả nước, của từng ngành, vùng, địa phương trong từng thời kỳ và phát huy năng lực, hiệu quả của các cơ sở dạy nghề hiện có.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề phải tạo điều kiện thuận lợi cho người có nhu cầu học nghề nhất là lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề theo vùng kinh tế - xã hội, tới nghề đào tạo; hình thành các trường nghề chất lượng cao đủ năng lực đào tạo một số nghề được các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận ở các vùng kinh tế trọng điểm; các trường có nghề trọng điểm, các

trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; các trường dạy nghề chuyên biệt cho người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa; khuyến khích mọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ở trong và ngoài nước thành lập cơ sở dạy nghề và tham gia hoạt động dạy nghề; mở rộng hợp tác quốc tế về dạy nghề.

## 5. Về mục tiêu của quy hoạch

### a) Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở mục tiêu Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020, thì mục tiêu tổng quát của quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề là: Đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ của thị trường lao động về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và trên thế giới; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 55% vào năm 2020.

### b) Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020, về số lượng cơ sở dạy nghề theo 03 cấp trình độ và số nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia đến năm 2015 và 2020 như sau:

- Đến năm 2015: Có 190 trường cao đẳng nghề (60 trường ngoài công lập), 300 trường trung cấp nghề (100 trường ngoài công lập, 12 trường trung cấp nghề chuyên biệt để đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số và 03 trường trung cấp nghề chuyên biệt để đào tạo nghề cho người khuyết tật), 920 trung tâm dạy nghề (320 trung tâm ngoài công lập). Trên địa bàn mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 01 trường cao đẳng nghề và mỗi quận/huyện/thị xã có 01 trung tâm dạy nghề. Có 100 nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, 30 nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và 26 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế.

- Đến năm 2020: Có 230 trường cao đẳng nghề (80 trường ngoài công lập), trong đó có 40 trường chất lượng cao đủ năng lực đào tạo một số nghề được các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận; 310 trường trung cấp nghề (120 trường ngoài công lập, 15 trường trung cấp nghề



chuyên biệt để đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số và 05 trường trung cấp nghề chuyên biệt để đào tạo nghề cho người khuyết tật); 1.050 trung tâm dạy nghề (350 trung tâm ngoài công lập). Có 150 nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, 70 nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và 35 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế.

## 6. Về nội dung quy hoạch

Dự kiến quy mô đào tạo trình độ đào tạo nghề theo 03 cấp trình độ; số lượng cơ sở dạy nghề và nghề trọng điểm theo các vùng kinh tế - xã hội, cụ thể:

### a) Quy mô đào tạo của cả nước

- Giai đoạn 2011 - 2015 đào tạo mới trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề khoảng 2,1 triệu người, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng khoảng 7,5 triệu người, trong đó có 4,7 triệu người được hỗ trợ đào tạo nghề theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

- Giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo mới trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề khoảng 2,9 triệu người (trong đó 10% đạt cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế), sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng khoảng 10 triệu người, trong đó có 5,5 triệu người được hỗ trợ đào tạo nghề theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

### b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề theo vùng

- Vùng Trung du miền núi phía Bắc

Đến năm 2015 có 274 cơ sở dạy nghề, gồm: 27 trường cao đẳng nghề, 40 trường trung cấp nghề (trong đó 04 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số) và 207 trung tâm dạy nghề. Đến năm 2020 có 286 cơ sở dạy nghề, gồm: 30 trường cao đẳng nghề (trong đó có 3 trường chất lượng cao), 42 trường trung cấp nghề (trong đó 05 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số) và 214 trung tâm dạy nghề.

Tập trung đào tạo 44 nghề trọng điểm (04 nghề cấp độ quốc tế, 11 nghề cấp độ khu vực và 41 nghề cấp độ quốc gia) để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, chủ lực của vùng gồm: Sản xuất, chế biến các loại nông - lâm sản, đặc sản chất lượng và giá trị kinh tế cao (chè, hồi, quế, nguyên liệu giấy, các loại dược liệu quý, sữa bò...); công nghiệp chế biến khoáng sản, thủy điện, công nghiệp cơ khí (ôtô, xe máy, máy nông nghiệp...), chế tạo và lắp ráp điện tử, công nghiệp vật liệu, du lịch dịch vụ...

#### - Vùng Đồng bằng sông Hồng

Đến năm 2015 có 373 cơ sở dạy nghề, gồm: 69 trường cao đẳng nghề, 96 trường trung cấp nghề (trong đó 02 trường chuyên biệt dạy nghề cho người khuyết tật) và 208 trung tâm dạy nghề. Đến năm 2020 có 431 cơ sở dạy nghề, gồm: 85 trường cao đẳng nghề (trong đó có 14 trường chất lượng cao), 103 trường trung cấp nghề (trong đó 03 trường chuyên biệt dạy nghề cho người khuyết tật) và 243 trung tâm dạy nghề.

Tập trung đào tạo 98 nghề trọng điểm (23 nghề cấp độ quốc tế, 24 nghề cấp độ khu vực và 86 nghề cấp độ quốc gia) để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của vùng gồm: Du lịch, khách sạn, nhà hàng, vận tải, chăm sóc sức khỏe; cơ khí chế tạo, điện tử, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp điện tử, kỹ thuật điện, sản xuất vật liệu, viễn thông...

#### - Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung

Đến năm 2015 có 283 cơ sở dạy nghề, gồm: 39 trường cao đẳng nghề, 65 trường trung cấp nghề (trong đó 04 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số và 01 trường chuyên biệt dạy nghề cho người khuyết tật) và 179 trung tâm dạy nghề. Đến năm 2020 có 308 cơ sở dạy nghề, gồm: 46 trường cao đẳng nghề (trong đó có 10 trường chất lượng cao), 58 trường trung cấp nghề (trong đó 05 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số và 01 trường chuyên biệt dạy nghề cho người khuyết tật) và 204 trung tâm dạy nghề.

Tập trung đào tạo 64 nghề trọng điểm (19 nghề cấp độ quốc tế, 20 nghề cấp độ khu vực và 54 nghề cấp độ quốc gia) để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành và lĩnh vực mũi nhọn, chủ lực của vùng gồm: Công nghiệp lọc hóa dầu, cơ khí (đóng và sửa chữa tàu thuyền, sửa chữa ô tô, máy động lực, máy nông nghiệp...), chế tạo và lắp ráp thiết bị điện - điện tử; công nghiệp chế biến thủy, hải sản xuất khẩu; dịch vụ du lịch, môi trường, viễn thông...

#### - Vùng Tây Nguyên

Đến năm 2015 có 88 cơ sở dạy nghề, gồm: 7 trường cao đẳng nghề (trong đó 01 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số), 14 trường trung cấp nghề và 67 trung tâm dạy nghề. Đến năm 2020 có 96 cơ sở dạy nghề, gồm: 09 trường cao đẳng nghề (trong đó có 2 trường chất lượng cao, 01 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số), 12 trường trung cấp nghề (trong đó 01 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số) và 75 trung tâm dạy nghề.

Tập trung đào tạo 30 nghề trọng điểm (03 nghề cấp độ quốc tế, 09 nghề cấp độ khu vực và 23 nghề cấp độ quốc gia) để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm, mũi nhọn của vùng gồm: Thủy điện, khai thác khoáng sản, chế biến nông, lâm sản...; nhân lực kỹ thuật cho phát triển các ngành trồng cây công nghiệp như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều.... Phát triển đào tạo nhân lực tại chỗ cho các ngành dịch vụ: du lịch, nghỉ dưỡng...

#### - Vùng Đông Nam Bộ

Đến năm 2015 có 201 cơ sở dạy nghề, gồm: 33 trường cao đẳng nghề, 44 trường trung cấp nghề và 125 trung tâm dạy nghề. Đến năm 2020 có 262 cơ sở dạy nghề, gồm: 43 trường cao đẳng nghề (trong đó có 09 trường chất lượng cao), 55 trường trung cấp nghề (trong đó 01 trường chuyên biệt dạy nghề cho người khuyết tật) và 164 trung tâm dạy nghề.

Tập trung-đào tạo-63- Nghề trọng điểm (18 nghề cấp độ quốc tế, 22 nghề cấp độ khu vực và 43 nghề cấp độ quốc gia) để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành có hàm lượng chất xám cao, các ngành có giá trị gia tăng cao như ngành công nghệ thông tin - viễn thông, hóa dầu, kỹ thuật điện, điện tử, nhóm ngành thiết kế, các dịch vụ du lịch chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao...

#### - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Đến năm 2015 có 191 cơ sở dạy nghề, gồm: 15 trường cao đẳng nghề, 41 trường trung cấp nghề (trong đó 03 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số) và 135 trung tâm dạy nghề. Đến năm 2020 có 207 cơ sở dạy nghề, gồm: 17 trường cao đẳng nghề (trong đó có 02 trường chất lượng cao), 40 trường trung cấp nghề (trong đó 04 trường chuyên biệt dạy nghề cho người dân tộc thiểu số) và 150 trung tâm dạy nghề.

Tập trung đào tạo 38 nghề trọng điểm (09 nghề cấp độ quốc tế, 09 nghề cấp độ khu vực và 34 nghề cấp độ quốc gia) để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành, lĩnh vực như: Công nghiệp chế biến nông lâm, thủy hải sản xuất khẩu; chế biến rau quả, chế biến thịt, cơ khí phục vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, cơ khí sửa chữa, điện, điện tử, công nghệ thông tin, hóa chất, dược phẩm, công nghiệp dệt may, da giày...

#### 7. Về giải pháp thực hiện quy hoạch

Để đạt được các mục tiêu của quy hoạch cần tập trung thực hiện 06 nhóm giải pháp, cụ thể:

- Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước;

- Nhóm giải pháp về đầu tư và huy động vốn;
- Nhóm giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề;
- Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế;
- Nhóm giải pháp đổi mới cơ chế tài chính và cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề;
- Nhóm giải pháp về xã hội hóa dạy nghề.

Riêng đối với giải pháp xã hội hóa dạy nghề tập trung hoàn thiện các chính sách hỗ trợ về đất đai, tín dụng, ưu đãi thuế cơ sở dạy nghề ngoài công lập; thực hiện đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty liên doanh, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề, nhất là quá trình chuyển giao công nghệ, cải thiện các yếu tố về mặt pháp lý; đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

#### **IV. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

##### **1. Về xây dựng 40 trường nghề chất lượng cao đến năm 2020**

Thực hiện Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020” tại Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014, theo đó mục tiêu đến năm 2020 có khoảng 40 trường nghề chất lượng cao đủ năng lực đào tạo một số nghề được các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện đào tạo nghề ở Việt Nam và đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

##### **2. Về định hướng phát triển dạy nghề**

Theo dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề đang trình Quốc hội xem xét, quyết định, về định hướng phát triển dạy nghề quy định như sau:

- Phát triển hệ thống dạy nghề mở, linh hoạt, đa dạng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, liên thông giữa các trình độ dạy nghề và với các trình độ đào tạo khác; góp phần quan trọng đáp ứng nhu cầu xã hội, cơ cấu nhân lực của thị trường lao động trong nước và tham gia thị trường lao động quốc tế.

- Dạy nghề có ba trình độ đào tạo là sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

Trên đây là báo cáo của Chính phủ về thực trạng mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2013 và tình hình thực hiện xây dựng Đề án quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề đến năm 2020.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP (đề b/c);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Ban Dân nguyện - UBTV Quốc hội;
- Các Thứ trưởng Bộ LĐTBXH;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TKBT, TH, V.III;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**



**Phạm Thị Hải Chuyên**